UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 20 tháng 5 năm 2025

BẢN SO SÁNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH QUY ĐỊNH CÁC HỆ SỐ K THÀNH PHẦN LÀM CƠ SỞ XÁC ĐỊNH TIỀN CHI TRẢ DVMTR TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

So sánh nội dung Quyết định Quy định hệ số K thành phần

STT	QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 05/02/2021	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1	**- Căn cứ xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật (QPPL);** - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	**Căn cứ xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật (QPPL);** - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;	Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025 đã có hiệu lực và thay thế các Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Bổ sung thêm Nghị định số 91/2024/NĐ-CP vì nội dung của Phụ lục VII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP đã thay thế nội dung của Phụ lục VII Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;
2	- Điểm b khoản 1 Điều 1: Bên cung ứng dịch vụ môi trường	- Điểm b khoản 1 Điều 1: Bên cung ứng DVMTR: Gồm chủ	Bỏ đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng là

STT	QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 05/02/2021	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	rừng (DVMTR): gồm chủ rừng được quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với tổ chức do Nhà nước thành lập.	rừng được quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với tổ chức do Nhà nước thành lập.	"tổ chức" vì căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về việc quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước: Không có đối tượng nhận khoán là tổ chức.
3	- Điểm a khoản 2 Điều 1: a) Hệ số K_1: Điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo trữ lượng rừng, gồm rừng rất giàu, rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo, rừng nghèo kiệt và rừng chưa có trữ lượng. Hệ số K_1 có giá trị bằng 1,0 đối với rừng rất giàu và rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo, rừng nghèo kiệt và rừng chưa có trữ lượng;	- Điểm a khoản 2 Điều 1: a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo trữ lượng rừng. Hệ số K_1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng tre nứa, rừng không phân chia trữ lượng và rừng trồng.	Điều chỉnh lại cách trình bày theo quy định tại phụ lục VII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, cụ thể *(Hệ số K_1 có giá trị bằng ":" 1,00 đối với rừng giàu).* - Tại Hệ số K_1: Bỏ cụm từ "rừng rất giàu" và bổ sung nội dung Hệ số K_1 có giá trị bằng: 0,90 đối với rừng tre nứa, rừng không phân chia trữ lượng và rừng trồng theo quy định tại phụ lục VII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
4	- Điểm b khoản 2 Điều 1: b) Hệ số K_2: Điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo mục đích sử dụng rừng, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp. Hệ số	- Điểm b khoản 2 Điều 1: b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo mục đích sử dụng rừng, gồm: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp.	- Tại Hệ số K_2: Bổ sung thêm cụm từ rừng "tự nhiên" ngoài quy hoạch lâm nghiệp. Làm rõ thêm đối tượng chi trả DVMTR, đảm bảo đúng đối tượng rừng có cung ứng được chi trả DVMTR ; hiện

STT	QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 05/02/2021	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	K_2 có giá trị bằng 1,0 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,9 đối với rừng sản xuất và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp;	Hệ số K_2 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp;	nay tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP có nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP có đưa tiêu chí xác định cây lâm nghiệp đa tác dụng để xác định tiêu chí thành rừng của rừng trồng. Tuy nhiên chưa có văn bản nêu rõ loại cây nào là cây đa mục đích. Do vậy cần bổ sung cụm từ "rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp" để đảm bảo đúng đối tượng được chi trả DVMTR. Điều chỉnh lại cách trình bày theo quy định tại phụ lục VII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, cụ thể. *(Hệ số K_2 có giá trị bằng ":" 1,00 đối với rừng đặc dụng).*
5	- Điểm c khoản 2 Điều 1: c) Hệ số K_3: Điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K_3 có giá trị bằng 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;	- Điểm c khoản 2 Điều 1: c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K_3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;	- Tại Hệ số K_3: nội dung không thay đổi, chỉ điều chỉnh lại cách trình bày theo quy định tại phụ lục VII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, cụ thể. *(Hệ số K_3 có giá trị bằng ":" 1,00 đối với rừng tự nhiên).*
6	- Điểm d khoản 2 Điều 1: d) Hệ số K4: Điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng DVMTR nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ	- Điểm d khoản 2 Điều 1: d) Hệ số K4 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng DVMTR nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K4 có	- Tại Hệ số K_3: Điều chỉnh lại cách trình bày cụ thể: *(Hệ số K_4 có giá trị bằng ":" 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I)* và bổ sung thêm giá trị K_4 bằng: 0,90 đối với các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định theo

STT	QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 05/02/2021	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tướng Chính phủ. Hệ số K4 có giá trị bằng 1,0 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I.	giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I và các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định.	quy định tại phụ lục VII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
7	Điều 2 Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.	Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho UBND tỉnh theo quy định.	Thay "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Sở Nông nghiệp và Môi trường" đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài Nguyên Môi trường đã sát nhập theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.
8	Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính, Công thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Công thương; Giám đốc Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	Tại Điều 3: Thay thế nội dung: "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" chỉnh sửa thành "Sở Nông nghiệp và Môi trường" đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài Nguyên Môi trường đã sát nhập Nghị quyết số 08/NQ-HĐND; Bỏ từ: "Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh" vì hiện này đã không còn Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Thay thế cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan" chỉnh sửa thành "Giám đốc Quỹ Bảo vệ, phát

STT	QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 05/02/2021	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
			triển rừng và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan" nhằm đảm bảo phù hợp với chủ trương đường lối theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk.
9	Việc xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hệ số K thành phần đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang triển khai thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo kế hoạch cho đến khi hoàn thành việc chi trả. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021./.	Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế cho Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Để thuận tiện trong quá trình áp dụng Quyết định Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cần xác định thời gian hiệu lực thi hành Quyết định. - Tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2025 "Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền " Do vậy việc ban hành nội dung "thay thế cho Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND" là phù hợp và cần thiết.
10	Thể thức văn bản áp dụng theo quy	Thể thức văn bản áp dụng theo mẫu	Áp dụng mẫu số 19 Quyết định của Ủy

STT	QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 05/02/2021	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;	số 19 Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	ban nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;